TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST Ngày 08-5-2023 V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2023; Công văn số: 05/2023/CV-TA ngày 26/4/2023 về việc "Thay đổi thời gian mở phiên tòa" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn T** – Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T1** – Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Chị T1 hiện đang bị tạm giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hoàng Văn T có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T1 trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm T cuộc sống và kinh tế gia đình. Hiện tại, vợ chồng anh T chị T1 đang sống ly thân với nhau. Anh T xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T1 ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: T quá trình chung sống, vợ chồng anh T và chị T1 có hai con chung.

- Cháu Hoàng K – Sinh ngày: 25/01/2012.

- Cháu Hoàng Quỳnh C – Sinh ngày: 06/10/2016.

Sau khi ly hôn, anh T có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K và cháu C đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T1 có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm T cuộc sống và kinh tế gia đình. Chị T1 xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể quay về chung sống cùng nhau. Anh T đề nghị ly hôn, chị T1 có quan điểm nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: T quá trình chung sống, vợ chồng chị T1 và anh T có hai con chung.

- Cháu Hoàng K – Sinh ngày: 25/01/2012.

- Cháu Hoàng Quỳnh C – Sinh ngày: 06/10/2016.

Hiện tại, chị T1 đang bị tạm giam, không có điều kiện nuôi con. Chị T1 nhất trí giao cháu K và cháu C cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Sau này, khi chấp hành án xong, chị T1 sẽ đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng T quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc

chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của anh Hoàng Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thanh T1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Hoàng K – Sinh ngày: 25/01/2012 và cháu Hoàng Quỳnh C – Sinh ngày: 06/10/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K và cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 08/5/2023. Chị Nguyễn Thị Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thanh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có T hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh T khởi kiện về việc xin ly hôn với chị T1 và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Yên, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. T quá

trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm T cuộc sống và T việc làm ăn kinh tế.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T1 cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn không thể khắc phục được nữa, vợ chồng đều xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: T quá trình chung sống, vợ chồng anh T và chị T1 có hai con chung.

- Cháu Hoàng K – Sinh ngày: 25/01/2012.

- Cháu Hoàng Quỳnh C – Sinh ngày: 06/10/2016.

Anh T và chị T1 đều có quan điểm giao cháu K và cháu C cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

HĐXX nhận thấy: Cháu K và cháu C đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Quá trình nuôi con, anh T và chị T1 không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Anh T có nơi cư trú rõ ràng; công việc, thu nhập ổn định nên đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Chị T1 hiện đang bị tạm giam nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu K có quan điểm muốn được ở cùng bố là anh T, phù hợp với quan điểm của anh T và chị T1.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của anh T và chị T1 về việc nuôi con chung. Giao cháu K và cháu C cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của anh Hoàng Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thanh T1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Hoàng K – Sinh ngày: 25/01/2012 và cháu Hoàng Quỳnh C – Sinh ngày: 06/10/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K và cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 08/5/2023. Chị Nguyễn Thị Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thanh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002595 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của C cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Anh Hoàng Văn T đã nộp đủ tiền án phí*).

5. Quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 có quyền kháng cáo bản án T thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- C cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã Trung Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Cường